

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 9 – CẦN THƠ  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 7 - 2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Mỹ Xuyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thành Tâm.

Bà Lê Thị Ánh Tuyết.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Khánh Huy –Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9- Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Minh Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 199/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lý Thị Cẩm T**; Sinh ngày: 13/09/1993. Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp N, xã C, thành phố Cần Thơ - Có mặt).

2. Bị đơn: **Nguyễn Văn S**; Sinh ngày: 17/03/1997. Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp N, xã C, thành phố Cần Thơ - Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 9 năm 2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Lý Thị Cẩm T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lý Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn S có tổ chức tiệc cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng

(nay là Ủy ban nhân dân xã C, thành phố Cần Thơ), được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 06/2022, ngày 25/01/2022. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân vô cùng hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Chị T và anh S sống ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh S không còn, nên chị T yêu cầu ly hôn với anh S; Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh S có 01 người con chung là Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 26/3/2020. Hiện nay, cháu N đang sống cùng chị T. Chị T yêu cầu nuôi con chung cho đến khi thành niên, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên chị T không có yêu cầu gì.

\* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2025, bị đơn là anh Nguyễn Văn S trình bày: Về hôn nhân: Anh S đồng ý ly hôn; Về con chung: Anh S thống nhất giao con chung là Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 26/3/2020 cho chị T nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh S sẽ không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên anh S không yêu cầu gì.

\* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong vụ án này Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là xử cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn, xử giao cháu Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 26/3/2020 cho chị T nuôi dưỡng đến khi thành niên; Về tài sản chung và nợ chung, không có đề nghị gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ, thành phố Cần Thơ nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Văn S là bị đơn trong vụ án, anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn S.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lý Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn S là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ tháng 02/2022, hai bên đã sống ly thân. Từ khi ly thân cho đến nay anh chị không có gặp nhau để bàn bạc về việc hôn nhân của anh chị nhằm tạo điều kiện chung sống lại với nhau. Tại phiên tòa, chị T yêu cầu được ly hôn với anh S, tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2025 anh S đồng ý ly hôn với chị T, do đó yêu cầu ly hôn của chị T là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn với anh S.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh S có 01 người con chung là Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 26/3/2020. Tại phiên tòa, chị T yêu cầu nuôi con chung là Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 26/3/2020 cho đến khi thành niên, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2025, bị đơn là anh Nguyễn Văn S trình bày: Anh S thống nhất giao con chung là Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 26/3/2020 cho chị T nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh S sẽ không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Giữa chị T và anh S đã thỏa thuận được việc nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 26/3/2020 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu N thành niên, do chị T không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con, nên anh S không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho anh S, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh S không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu nghĩa vụ án phí đối với vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng; Anh S không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025), tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị Cẩm T.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lý Thị Cẩm T được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 26/3/2020 cho chị Lý Thị Cẩm T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu N thành niên. Anh Nguyễn Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho anh S không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lý Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn S không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lý Thị Cẩm T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình, nhưng chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006893 ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 - Cần Thơ, tpct). Như vậy, chị T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; Anh Nguyễn Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lý Thị Cẩm T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Văn S không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 9 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 9 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Hồ Mỹ Xuyên**